

Mã đề: A

I. TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Câu 1: Cho số phức $z = 3 - 2i$. Tìm điểm biểu diễn của số phức $w = z + i\bar{z}$

- A. $M(5; -5)$ B. $M(1; -5)$ C. $M(1; 1)$ D. $M(5; 1)$

Câu 2: Họ nguyên hàm của hàm số $f(x) = \cos 3x$ là

- A. $-\frac{1}{3}\sin 3x + C$ B. $\frac{1}{3}\sin 3x + C$ C. $3\sin 3x + C$ D. $-3\sin 3x + C$

Câu 3: Biết $\int_0^2 e^{3x} dx = \frac{e^a - 1}{b}$. Tìm khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau?

- A. $a + b = 10$ B. $a = b$ C. $a = 2b$ D. $a < b$

Câu 4: Công thức nguyên hàm nào sau đây **không đúng**?

- A. $\int \frac{1}{\cos^2 x} dx = \tan x + C$ B. $\int a^x dx = \frac{a^x}{\ln a} + C \quad (0 < a \neq 1)$
C. $\int x^\alpha dx = \frac{x^{\alpha+1}}{\alpha+1} + C \quad (\alpha \neq -1)$ D. $\int \frac{1}{x} dx = \ln x + C$

Câu 5: Trong không gian với hệ trục tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \frac{x-1}{2} = \frac{y+1}{-3} = \frac{z-5}{4}$ và mặt phẳng $(P): x - 3y + 2z - 5 = 0$. Mệnh đề nào sau đây đúng ?

- A. d cắt và không vuông góc với (P) . B. d vuông góc với (P) .
C. d song song với (P) . D. d nằm trong (P) .

Câu 6: Phương trình tham số của đường thẳng đi qua điểm $A(1; 4; 7)$ và vuông góc với mặt phẳng $(P): x + 2y - 2z - 3 = 0$ là:

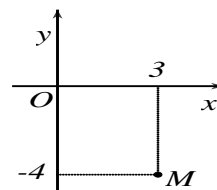
- A. $\begin{cases} x = 1 + 2t \\ y = 4 + 4t \\ z = 7 - 4t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = -4 + t \\ y = 3 + 2t \\ z = -1 - 2t \end{cases}$ C. $\begin{cases} x = 1 + 4t \\ y = 4 + 3t \\ z = 7 + t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 1 + t \\ y = 2 + 4t \\ z = -2 + 7t \end{cases}$

Câu 7: Cho $A(1; 2; 3)$, mặt phẳng $(P): x + y + z - 2 = 0$. Phương trình mặt phẳng song song với mặt phẳng (P) biết (Q) cách điểm A một khoảng bằng $3\sqrt{3}$ là:

- A. $x + y + z + 3 = 0$ và $x + y + z - 3 = 0$ B. $x + y + z + 3 = 0$ và $x + y + z + 15 = 0$
C. $x + y + z + 3 = 0$ và $x + y + z - 15 = 0$ D. $x + y + z + 3 = 0$ và $x + y - z - 15 = 0$

Câu 8: Điểm M trong hình vẽ bên là điểm biểu diễn của số phức z . Tìm phần thực và phần ảo của số phức z .

- A. Phần thực là -4 và phần ảo là 3 .
B. Phần thực là 3 và phần ảo là $-4i$.
C. Phần thực là 3 và phần ảo là -4 .
D. Phần thực là -4 và phần ảo là $3i$.



Câu 9: Biết $\int_a^b f(x) dx = 10$, $F(x)$ là một nguyên hàm của $f(x)$ và $F(a) = -3$. Tính $F(b)$.

- A. $F(b) = 13$ B. $F(b) = 10$ C. $F(b) = 16$ D. $F(b) = 7$

Câu 10: Tìm số phức liên hợp của số phức $z = i(3i + 1)$

- A. $\bar{z} = 3 - i$ B. $\bar{z} = -3 - i$ C. $\bar{z} = -3 + i$ D. $\bar{z} = 3 + i$

Câu 11: Biết $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x) = \frac{4}{1+2x}$ và $F(0) = 2$. Tìm $F(2)$.

- A. $4\ln 5 + 2$ B. $5(1 + \ln 2)$ C. $2\ln 5 + 4$ D. $2(1 + \ln 5)$

Câu 12: Diện tích hình phẳng được giới hạn bởi đồ thị của hàm số $y = x^2$, trục hoành và hai đường thẳng $x = -1, x = 3$ là :

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{28}{3}$ C. $\frac{8}{3}$ D. $\frac{28}{9}$

Câu 13: Gọi z_1 và z_2 lần lượt là nghiệm của phương trình: $z^2 - 2z + 5 = 0$. Tính $P = |z_1| + |z_2|$

- A. $2\sqrt{5}$ B. 10 C. 3 D. 6

Câu 14: Tính mô đun của số phức z thỏa mãn: $z(2-i) + 13i = 1$

- A. $|z| = \frac{\sqrt{34}}{3}$ B. $|z| = \frac{5\sqrt{34}}{2}$ C. $|z| = 34$ D. $|z| = \sqrt{34}$

Câu 15: Tích phân $I = \int_0^1 \frac{2dx}{3-2x} = \ln a$. Giá trị của a bằng:

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 16: Biết $\int_0^3 f(x)dx = 12$. Tính $I = \int_0^1 f(3x)dx$.

- A. 4 B. 6 C. 36 D. 3

Câu 17: $F(x)$ là nguyên hàm của hàm số $f(x) = \frac{3x+4}{x^2}, (x \neq 0)$, biết rằng $F(1) = 1$. $F(x)$ là biểu thức nào sau đây:

- A. $F(x) = 2x + \frac{4}{x} - 5$ B. $F(x) = 3\ln|x| - \frac{4}{x} + 5$
C. $F(x) = 3x - \frac{4}{x} + 3$ D. $F(x) = 3\ln|x| - \frac{4}{x} + 3$

Câu 18: Trong hệ tọa độ Oxyz, cho hai điểm $A(2; -3; -1), B(4; -1; 2)$. Phương trình mặt phẳng trung trực của đoạn thẳng AB là

- A. $2x + 2y + 3z + 1 = 0$ B. $4x - 4y - 6z + \frac{15}{2} = 0$
C. $4x + 4y + 6z - 7 = 0$ D. $x + y - z = 0$

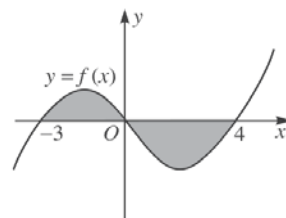
Câu 19: Trong không gian với hệ trục tọa độ Oxyz, cho đường thẳng $d: \begin{cases} x = 2 + 2t \\ y = -3t \\ z = -3 + 5t \end{cases} (t \in \mathbb{R})$. Vector

nào dưới đây là vector chỉ phương của d ?

- A. $\vec{u} = (2; 0; -3)$ B. $\vec{u} = (2; -3; 5)$ C. $\vec{u} = (2; 3; -5)$ D. $\vec{u} = (2; 0; 5)$

Câu 20: Cho đồ thị hàm số $y = f(x)$. diện tích hình phẳng (phần tô đậm trong hình) là:

- A. $S = \int_{-3}^4 f(x)dx$ B. $S = \int_0^{-3} f(x)dx + \int_0^4 f(x)dx$
C. $S = \int_{-3}^1 f(x)dx + \int_1^4 f(x)dx$ D. $S = \int_{-3}^0 f(x)dx - \int_0^4 f(x)dx$



Câu 21: Trong không gian với hệ trục tọa độ Oxyz, cho ba điểm $A(-2; 0; 0), B(0; 3; 0)$ và $C(0; 0; 2)$. Phương trình nào dưới đây là phương trình của mặt phẳng (ABC) ?

- A. $\frac{x}{3} + \frac{y}{2} + \frac{z}{-2} = 1$ B. $\frac{x}{2} + \frac{y}{-2} + \frac{z}{3} = 1$ C. $\frac{x}{2} + \frac{y}{3} + \frac{z}{-2} = 1$ D. $\frac{x}{-2} + \frac{y}{3} + \frac{z}{2} = 1$

Câu 22: Phương trình nào sau đây là chính tắc của đường thẳng đi qua hai điểm $A(1; 2; -3)$ và $B(3; -1; 1)$?

A. $\frac{x-1}{3} = \frac{y-2}{-1} = \frac{z+3}{1}$ B. $\frac{x-3}{1} = \frac{y+1}{2} = \frac{z-1}{-3}$ C. $\frac{x-1}{2} = \frac{y-2}{-3} = \frac{z+3}{4}$ D. $\frac{x+1}{2} = \frac{y+2}{-3} = \frac{z-3}{4}$

Câu 23: Tìm số phức z biết $z = \frac{3+4i}{i^{2019}}$:

A. $z = 4 - 3i$ B. $z = 4 + 3i$ C. $z = 3 - 4i$ D. $z = 3 + 4i$

Câu 24: Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho mặt phẳng (P): $x - 2z + 3 = 0$. Vector nào dưới đây là một vector pháp tuyến của (P) ?

A. $\vec{n} = (1; -2; 0)$. B. $\vec{n} = (1; 0; -2)$. C. $\vec{n} = (3; -2; 1)$. D. $\vec{n} = (1; -2; 3)$.

II. TỰ LUẬN: (4 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm). Tính các tích phân sau:

a) $I = \int_0^{\sqrt{7}} x \sqrt[3]{1+x^2} dx;$ b) $I = \int_0^{\frac{\pi}{4}} (3-2x) \cos 2x dx$

Câu 2. (1.0 điểm). a) Giải phương trình $(1+i)z + (4-7i) = 8-4i$.

b) Tìm số phức z thỏa mãn : $(3+i)\bar{z} + (1+2i)z = 3-4i$.

Câu 3. (2.0 điểm).

Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho điểm $M(2;1;1)$ và mặt phẳng (P): $2x - y + 2z + 4 = 0$.

a) Viết phương trình đường thẳng d đi qua M và vuông góc với mặt phẳng (P).

b) Tìm hình chiếu vuông góc của điểm M trên mặt phẳng (P).

c) Viết phương trình mặt cầu (S) tâm M và tiếp xúc với mặt phẳng (P) .

----- HẾT -----

A. MA TRẬN ĐỀ

STT	Các chủ đề	Mức độ kiến thức đánh giá						Tổng số câu hỏi
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Nguyên hàm – Tích phân và ứng dụng	TNKQ	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	3 0,75 đ 7,5%	3 0,75đ 7,5%	3 0,75 đ 7,5%	1 0,25 đ 2,5%	10 2,5 đ 25%
		TL	Số câu Số điểm Tỉ lệ %			2 1,0 đ 10%		2 1,0 đ 10%
2	Số phức	TNKQ	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5 đ 5%	2 0,5 đ 5%	2 0,5 đ 5%		6 1,5 đ 15%
		TL	Số câu Số điểm Tỉ lệ %			1 0,5 đ 5%	1 0,5 đ 5%	2 1,0đ 10%
3	Phương pháp tọa độ trong không gian	TNKQ	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	3 0,75 đ 7,5%	2 0,5 đ 5%	2 0,5 đ 5%	1 0,25 đ 2,5%	8 2,0 đ 20%
		TL	Số câu Số điểm Tỉ lệ %		1 1, 0đ 10%	2 1,0 đ 10%		3 2,0 đ 20%
	TỔNG	TNKQ	Số câu Số điểm Tỉ lệ %	8 2,0 đ 20%	7 1,75 đ 17,5%	7 1,75 đ 17,5%	2 0,5 đ 5%	24 6,0 đ 60%
		TL	Số câu Số điểm Tỉ lệ %		1 1,0 đ 10%	5 2,5 đ 25%	1 0,5đ 5%	7 4,0 đ 40%

I. TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

CÂU	MÃ ĐỀ A	MÃ ĐỀ B	MÃ ĐỀ C	MÃ ĐỀ D
1	C	C	B	D
2	B	A	C	D
3	C	B	C	C
4	D	C	B	B
5	A	D	C	D
6	A	D	D	B
7	C	D	A	B
8	C	A	D	B
9	D	D	D	A
10	B	A	C	D
11	D	A	D	C
12	B	D	C	C
13	A	B	A	A
14	D	A	B	C
15	A	C	D	C
16	A	B	D	A
17	B	C	A	B
18	C	C	B	C
19	B	D	A	B
20	D	B	B	A
21	D	B	A	D
22	C	A	C	A
23	A	C	B	D
24	B	B	A	A

II. TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1. (1,0 điểm).	Tính các tích phân sau: a) $I = \int_0^{\sqrt{7}} x \sqrt[3]{1+x^2} dx$; b) $I = \int_0^{\frac{\pi}{4}} (3-2x) \cos 2x dx$	1,0đ
	a) Đặt : $t = \sqrt[3]{1+x^2} \Rightarrow t^3 = 1+x^2 \Rightarrow 3t^2 dt = 2x dx \Rightarrow x dx = \frac{3}{2} t^2 dt$ Đổi cận: $x=0 \Rightarrow t=1; x=\sqrt{7} \Rightarrow t=2 \Rightarrow I = \int_1^2 \frac{3}{2} t^3 dt = \frac{3}{8} t^4 \Big _1^2 = \frac{3}{8} (16-1) = \frac{45}{8}$	0,25 0,25
	$u = 3-2x \Rightarrow du = -2dx$ b) Đặt: $dv = \cos 2x \Rightarrow v = \frac{\sin 2x}{2}$ $\Rightarrow I = (3-2x) \frac{\sin 2x}{2} \Big _0^{\frac{\pi}{4}} + \int_0^{\frac{\pi}{4}} \sin 2x dx = \left(\frac{6-\pi}{4} \right) - \frac{\cos 2x}{2} \Big _0^{\frac{\pi}{4}} = \left(\frac{6-\pi}{4} \right) - \frac{1}{2} (0-1)$ $= \frac{8-\pi}{4} = 2 - \frac{\pi}{4}$	0.25 0.25

Câu 2 (1.0 điểm).	a) Giải phương trình $(1+i)z + (4-7i) = 8-4i$. b) Tìm số phức z thỏa mãn : $(3+i)\bar{z} + (1+2i)z = 3-4i$.	1,0đ
	a/ Ta có $(1+i)z + (4-7i) = 8-4i \Leftrightarrow (1+i)z = 4+3i$ $\Leftrightarrow z = \frac{4+3i}{1+i} = \frac{(4+3i)(1-i)}{(1+i)(1-i)} = \frac{4-4i+3i-3i^2}{2} = \frac{7-i}{2}$	0,25 0,25
	b) Gọi $z = a+bi$ ($a, b \in \mathbb{R}, i^2 = -1$) $\Rightarrow \bar{z} = a-bi$ $(3+i)\bar{z} + (1+2i)z = 3-4i \Leftrightarrow (3+i)(a-bi) + (1+2i)(a+bi) = 3-4i$ $\Leftrightarrow 4a-b + (3a-2b)i = 3-4i$ $\Leftrightarrow \begin{cases} 4a-b=3 \\ 3a-2b=-4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a=2 \\ b=5 \end{cases} \quad \text{Vậy } z = 2+5i$	0,25 0,25
Câu 3 (2.0 điểm).	Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho điểm $M(2;1;1)$ và mặt phẳng (P): $2x - y + 2z + 4 = 0$.	2,0đ
	a)Viết phương trình đường thẳng d đi qua M và vuông góc với mặt phẳng (P). Đường thẳng (d) đi qua điểm $M(2; 1; 1)$, vuông góc với (P) có VTCP: $\vec{u} = (2; -1; 2)$	0,5
	có PTTS: $\begin{cases} x = 2 + 2t \\ y = 1 - t \\ z = 1 + 2t \end{cases} \quad (t \in \mathbb{R})$	0,5
	b) Tìm hình chiếu vuông góc của điểm M trên mặt phẳng (P). Tọa độ hình chiếu H của M lên (P) là nghiệm của hệ: $\begin{cases} 2x - y + 2z + 4 = 0 \\ x = 2 + 2t \\ y = 1 - t \\ z = 1 + 2t \end{cases}$	0,25
	$\Leftrightarrow \begin{cases} t = -1 \\ x = 0 \\ y = 2 \\ z = -1 \end{cases} \quad \text{Vậy: } H(0; 2; -1)$	0,25
	c)Viết phương trình mặt cầu (S) tâm M và tiếp xúc với mặt phẳng (P) . Ta có: $d(M; (P)) = \frac{ 4-1+2+4 }{\sqrt{4+1+4}} = 3$ Mặt cầu (S) tâm M và tiếp xúc với mặt phẳng (P) có bán kính $R = d(M; (P)) = 3$ có phương trình: $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z-1)^2 = 9$	0,25 0,25

* **Lưu ý:** Nếu học sinh có cách giải khác mà vẫn đúng thì giám khảo cho điểm tối đa từng phần như đáp án trên.